

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Phương.
Ông Đặng Quang Hoạch.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham
gia phiên tòa:* Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 533/2023/TLST-
HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2023
và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2023, giữa
các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm: 1995.
HKTT: Thôn 8, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.
Cư trú: Ấp 5, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
Bị đơn: Anh Bàn Văn C, sinh năm: 1992.
HKTT: Thôn 8, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.
Cư trú: Ấp 5, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
(các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên
đơn chị Đặng Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và
đăng ký kết hôn tại UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai vào năm 2013.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm
sống, không còn quan tâm đến nhau, năm 2022 chị có nộp đơn xin ly hôn nhưng

sau đó rút đơn vì lý do công việc, đồng thời từ khi nộp đơn ly hôn năm 2022 cho đến nay, anh chị đã sống riêng, anh C không còn liên lạc với chị, nên chị tiếp tục yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Bàn Phúc H, sinh ngày 12/6/2013, cháu Bàn Thị Lan T, sinh ngày 31/12/2018. Trường hợp ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Lan T, giao cháu H cho anh C nuôi dưỡng, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc nên chị xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Theo bản tự khai có trong hồ sơ vụ án anh Bàn Văn C trình bày:

Anh và chị H tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau nên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì nhiều, hiện nay đã sống riêng từ tháng 02/2023, vì còn thương vợ thương con nên anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Có hai con chung là cháu Bàn Phúc H, sinh ngày 12/6/2013 và cháu Bàn Thị Lan T, sinh ngày 31/12/2018, trường hợp ly hôn anh đồng ý giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng, còn cháu H anh nuôi dưỡng, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc nên anh xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án chưa gửi Thông báo thụ lý cho bị đơn và giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ cho Viện kiểm sát không đúng thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị được ly hôn với anh C. Về con chung: Giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H cho anh C nuôi dưỡng, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung đương sự trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị H phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Đặng Thị H nộp đơn khởi **kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Bàn Văn C, sinh năm: 1992, địa chỉ: Ấp 5, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai** nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị H nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, **anh C** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh C tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai **và được** cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số **21 ngày 02/3/2013** nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, **chị H** kiên quyết yêu cầu được ly hôn với **anh C**, hiện nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không hạnh phúc và đã sống riêng từ năm 2021. **Anh C** không đồng ý ly hôn, tuy nhiên **anh C** cũng xác định **anh chị** đã sống riêng từ tháng 02/2023, đồng thời quá trình giải quyết vụ án đã nhiều lần triệu tập **anh C** để làm việc, hòa giải, hàn gắn nhưng **anh C** vắng mặt không có lý do, thể hiện việc **anh C** không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa **anh C** với **chị H** là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên **chị H** yêu cầu ly hôn với **anh C** là có cơ sở chấp nhận và phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung: Có 02 con chung là cháu Bàn Phúc H, sinh ngày 12/6/2013 và cháu Bàn Thị Lan T, sinh ngày 31/12/2018. Trường hợp ly hôn, **anh chị** đều thống nhất giao cháu H cho **anh C** trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho **chị H** trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con; cháu Hòa cũng có nguyện vọng được sống cùng **anh C**, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của **chị H** và **anh C**.

3.3 - Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: **Chị H** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị H về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với anh Bàn Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị H được ly hôn với anh Bàn Văn C.
2. Về con chung: Giao cháu Bàn Phúc H, sinh ngày 12/6/2013 cho anh Bàn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Bàn Thị Lan T, sinh ngày 31/12/2018 cho chị Đặng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tạm thời anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đặng Thị H, anh Bàn Văn C được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002999 ngày 19/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Chị Đặng Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Chị Đặng Thị H, anh Bàn Văn C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT, THA, VKS;
- Đương sự;
- UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương